TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH N	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Đường, ông Hồ Viết Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hữu M, sinh năm 1995. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 5B, xã Nam Sơn, huyện Đ, tỉnh N.

* Bị đơn: Anh Võ Đức N, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 11 (nay là xóm 7), xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh N.

Hiện đang lao động tại: Slovakia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hữu M trình bày: Chị và anh Võ Đức N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn, huyện Đ, tỉnh N vào ngày 11/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau tại nhà bố mẹ anh Nhật ở xóm 11, xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Tháng 11/2016, anh Nhật đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Từ đó

đến nay anh Nhật không về nước, không liên lạc gì cho chị, chị đã chờ đợi thời gian quá dài. Hiện nay, chị không biết địa chỉ làm việc của anh Nhật ở nước ngoài, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Đức N. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Võ Đức N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh Võ Đức N có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa … cho anh Võ Đức N thông qua ông Võ Thành Công và bà Nguyễn Thị Hà là bố mẹ của anh Nhật; đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên tại trụ sở UBND xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc và nơi cư trú cuối cùng của anh Nhật, nhưng hiện anh Võ Đức N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, qua lời khai của ông Võ Thành Công và bà Nguyễn Thị Hà là bố mẹ của anh Nhật có căn cứ xác định bị đơn anh Nhật hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Slovakia, vẫn có liên hệ với gia đình và đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết việc chị My xin ly hôn nhưng bị đơn vẫn không liên lạc, không gửi lời khai thể hiện quan điểm của bị đơn về việc giải quyết vụ án cho Tòa án, cũng không cung cấp địa chỉ để Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp cho bị đơn theo quy định của pháp luật nên xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết, do đó, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có cơ sở. Về tình cảm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị My được ly hôn với anh Nhật. Về con chung: Không có. Về tài sản, nợ chung: Chị My không yêu cầu giải quyết, anh Nhật không có yêu cầu phản tố nên không giải quyết. Chị Nguyễn Hữu M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/8/2014 thể hiện người kết hôn với anh Võ Đức N là chị Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1995, trú tại xóm 5B, xã Nam Sơn, huyện Đ, tỉnh N. Căn cứ Trích lục số 06/TLTĐHT ngày 07/3/2020 của UBND huyện Đ, tỉnh N về việc thay đổi hộ tịch và Giấy khai sinh thì

chị Nguyễn Thị Minh được đổi tên thành Nguyễn Hữu M. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh N xác định chị Nguyễn Hữu M là người kết hôn với anh Nhật và tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hữu M chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Võ Đức N mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Qua xác minh tại bố đẻ anh Nhật là ông Võ Thành Công thì ông Công cho biết anh Võ Đức N hiện đang ở Slovakia, anh Nhật đã biết được việc chị Nguyễn Hữu M xin ly hôn với anh Nhật. Qua trao đổi, anh Nhật cho ông Công biết là anh đồng ý với ý kiến và yêu cầu của chị M về việc giải quyết ly hôn giữa anh chị nhưng ông Công không cung cấp được địa chỉ của anh Nhật ở nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh Nhật cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Nhật cho Tòa án; anh Nhật cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, việc anh Võ Đức N vắng mặt thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TATC–PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nhật đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; chị Nguyễn Hữu M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Hữu M và anh Võ Đức N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Đến tháng 11/2016, anh Nhật đi xuất khẩu lao động tại Slovakia. Từ đó đến nay anh Nhật không về nước, vợ chồng đã cắt đứt mọi liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nhật. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Anh Nhật đã biết được việc chị M yêu cầu ly hôn nhưng anh Nhật cũng không có lời khai thể hiện mong muốn được Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh Nhật, chị M vắng mặt. Xét thấy, hôn nhân giữa chị M và anh Nhật đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Hữu M được ly hôn với anh Võ Đức N.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo chị Nguyễn Hữu M thì vợ chồng không có con chung, không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Tuy nhiên, hiện tại chưa có ý kiến của anh Võ Đức N nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Hữu M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hữu M (tên gọi trước đây là Nguyễn Thị Minh) được ly hôn với anh Võ Đức N.

[2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Hữu M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh N theo biên lai số 0003131 ngày 17/12/2019.

[4]. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hữu M có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Võ Đức N đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- UBND xã Nam Sơn, huyện Đ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Từ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Trần Đình Đường	**Hồ Viết Tùng**	**Nguyễn Thị Thu Từ**